

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 532 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 02 năm 2019

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi thôn Dò, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy của Công ty TNHH Vân Lộc

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

Căn cứ Công văn số 05/UBND-CN ngày 02/01/2018 của UBND tỉnh Thanh Hóa về chủ trương cho Doanh nghiệp tư nhân Vân Lộc (nay đổi tên thành Công ty TNHH Vân Lộc) lập hồ sơ cấp phép thăm dò, khai thác mở rộng mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi thôn Dò, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa họp ngày 04/01/2019 tại Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá và nội dung Báo cáo ĐTM; Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 119/TTr-STNMT ngày 30/01/2019,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi thôn Dò, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm

Thủy, tỉnh Thanh Hóa được lập bởi Công ty TNHH Vân Lộc (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Phạm vi:

Khu vực thực hiện dự án thuộc địa phận hành chính xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 57.819 m<sup>2</sup>.

Trong đó:

- Diện tích khu vực khai thác là 51.862 m<sup>2</sup>, bao gồm:

+ Diện tích khu vực khai thác đã được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 279/GP-UBND ngày 06/8/2014 là 36.862 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích khu vực khai thác mở rộng là 15.000 m<sup>2</sup>;

- Diện tích khu vực khai trường: 5.957 m<sup>2</sup>.

Ranh giới tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc và phía Đông giáp sườn núi đá

- Phía Tây và phía Nam giáp đất trồng lúa

1.2. Quy mô, công suất của dự án

Dự án khai thác với công suất 36.000 m<sup>3</sup>/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

2.1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nghiêm túc các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

2.2. Khí thải và tiếng ồn của dự án phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh;

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

- QCVN 26/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

- Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/QĐ-BYT ngày 10 tháng 10 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

2.3. Nước thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường:

- QCVN 14:2008/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 40:2011/BTNMT, mức B - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.

2.4. Thực hiện nghiêm túc các giải pháp về xử lý chất thải rắn và các giải pháp BVMT khác.

3. Các điều kiện kèm theo đối với Chủ dự án:

3.1. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra việc thực hiện các nội dung, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án, cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

3.2. Trên cơ sở sơ đồ nguyên lý của các công trình xử lý môi trường đề ra trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt, phải tiến hành việc thiết kế chi tiết và xây lắp các công trình xử lý chất thải theo đúng quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng.

3.3. Thực hiện nghiêm túc chương trình quản lý và quan trắc môi trường (các thông số, địa điểm, tần suất giám sát đã được đề cập trong báo cáo ĐTM), số liệu giám sát phải được cập nhật, lưu giữ tại cơ sở và gửi cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

3.4. Trong quá trình thực hiện dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý về môi trường cấp tỉnh và các cơ quan có liên quan nơi có dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

**Điều 2.** Phê duyệt nội dung Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng và nâng công suất khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại núi thôn Dò, xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa của Công ty TNHH Vân Lộc với các nội dung cụ thể sau:

2.1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường bao gồm:

- Khu vực moong khai thác: San gạt mặt bằng; phủ đất để trồng cỏ gừng; cạy gỡ đá treo; lấp biển báo nguy hiểm;

- Khu vực sân công nghiệp: Tháo dỡ công trình phụ trợ, san gạt mặt bằng, phủ đất để trồng cây keo tai tượng Úc,...

- Khu vực xung quanh: Cải tạo tuyến đường ngoại mỏ, nạo vét mương thoát nước.

2.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: **588.758.225 đồng**.

- Tổng số tiền Công ty đã nộp: **147.863.270 đồng** (Theo Giấy xác nhận đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường số 152/QBVMT-XNKQ ngày 09/10/2017 và số 92/QBVMT-XNKQ ngày 25/5/2018, Bảng xác nhận công nợ tiền kỹ quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đến hết 31/12/2016 của Giám đốc Quỹ BVMT Thanh Hóa).

**Tổng kinh phí, cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ mỏ mà Công ty phải thực hiện ký quỹ: 588.758.225 đồng - 147.863.270 đồng = 440.894.955 đồng.**

- Số lần ký quỹ là 30 lần hoặc có thể lựa chọn việc ký quỹ 01 lần cho toàn bộ thời hạn khai thác khoáng sản là 30 năm.

+ Số tiền ký quỹ lần đầu 15% là: **66.134.243 đồng**. Thời gian thực hiện việc ký quỹ lần đầu tiên không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung;

+ Số tiền ký quỹ của các lần tiếp theo là **12.922.783 đồng**. Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của các năm tiếp theo.

Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2019. Yếu tố trượt giá được xác định bằng số tiền ký quỹ hàng năm nhân với chỉ số giá tiêu dùng của các năm trước đó tính từ thời điểm phương án, phương án bổ sung được phê duyệt. Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm áp dụng theo công bố của Tổng cục Thống kê cho địa phương nơi khai thác khoáng sản hoặc cơ quan có thẩm quyền.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường Thanh Hoá.

**Điều 3. Chủ dự án có trách nhiệm:**

1. Lập, phê duyệt và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường của Dự án trước khi triển khai thực hiện dự án theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường và các điều kiện nêu tại các Khoản 2, Khoản 3, Điều 1 Quyết định này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường để được kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường.

4. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các Khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận Chủ tịch UBND tỉnh.

5. Tuân thủ nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường, chế độ thông tin, báo cáo về việc thực hiện nội dung phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã phê duyệt theo các yêu cầu của Quyết định này và Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

**Điều 5.** Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung và những yêu cầu bắt buộc tại Điều 2 và Điều 3 của Quyết định này là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, xác nhận thực hiện công tác ký quỹ và cải tạo, phục hồi môi trường của Công ty TNHH Vân Lộc.

**Điều 6.** Ủy nhiệm cho Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo ĐTM và các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt; công tác bảo vệ môi trường trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường và yêu cầu tại Quyết định này.

**Điều 7.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Cẩm Thủy, Giám đốc Công ty TNHH Vân Lộc và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 7 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TNMT (10 bản);
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Nguyễn Đức Quyền**